

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25-7-2025

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc

- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Hùng

2. Ông Võ Văn Hiện

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Văn Sĩ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/7/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971. (có mặt)

Địa chỉ: số E, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre. (Nay là số E, ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1972. (có mặt)

Địa chỉ: số E, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre. (Nay là số E, ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 15/5/2025, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ - nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông và bà Nguyễn Ngọc C cưới nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là UBND xã Q, tỉnh Vĩnh Long) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/01/2010, trong thời gian sống chung có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Tú A, sinh ngày 13/02/1999 đã trưởng thành và Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 07/02/2010 hiện nay đang sống chung với bà C. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và đã ly thân đến nay không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Nay ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc C. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về con chung: Nguyễn Thị Tú A, sinh ngày 13/02/1999 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Ông đồng ý giao cho bà C được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 07/02/2010. Ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Ngọc C trình bày:
Bà và ông Nguyễn Văn T cưới nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là UBND xã Q, tỉnh Vĩnh Long) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/01/2010, trong thời gian sống chung có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Tú A, sinh ngày 13/02/1999 đã trưởng thành và Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 07/02/2010 hiện nay đang sống chung với bà. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông T có quan hệ tình cảm với người đàn bà khác bên ngoài nên các bên đã ly thân từ đầu năm 2024 đến nay không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nhưng bà vẫn muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông T.

Nay bà có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Bà không đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về con chung: Nguyễn Thị Tú A, sinh ngày 13/02/1999 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Nếu có ly hôn, bà đồng ý được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 07/02/2010. Bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến giải quyết vụ án cho rằng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng; người tham gia tố tụng là nguyên đơn nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền của mình trong quá trình tố tụng, tuy nhiên bị đơn không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nên đã vi phạm không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T:

Về hôn nhân: Ông T được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc C. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết;

Về con chung: Nguyễn Thị Tú A, sinh ngày 13/02/1999 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Giao cho bà C được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 07/02/2010. Bà C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Ông T và bà C trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn T yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Ngọc C, do bị đơn sinh sống tại xã Q, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Ngọc C cưới nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là UBND xã Q, tỉnh Vĩnh Long) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/01/2010 nên hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai bên không có thiện chí dung hòa khắc phục mâu thuẫn hiện nay đã ly thân, trong khoảng thời gian không sống chung hai bên không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm, cũng như hai bên không có giải pháp nào giải quyết những mâu thuẫn để sum họp gia đình và từ khi ly thân hai bên có cuộc sống riêng tư, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xác định các bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc C. Các đương sự không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[3] Về con chung: Nguyễn Thị Tú A, sinh ngày 13/02/1999 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Các đương sự thống nhất giao cho bà C được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 07/02/2010 (theo nguyện vọng của con chung) nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Bà C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà C trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Ông T phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định

phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T. Cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc C. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn, không có yêu cầu nên không xem xét.

- Về con chung: Nguyễn Thị Tú A, sinh ngày 13/02/1999 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Bà C được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 07/02/2010. Bà C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Văn T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà C trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình: Ông T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0012315 ngày 26/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Vĩnh Long). Như vậy án phí ông T đã nộp xong.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 9 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã QĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hữu Lộc